

Số: 1029 /BCB-ĐKKVCP

Cẩm Phả, ngày 25 tháng 7 năm 2024

BẢN CÔNG BỐ
Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là
cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Bệnh viện Đa khoa khu vực Cẩm Phả;
Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: 1013/SYT-GPHĐ cấp
ngày 31/12/2014.

Địa chỉ: Đường Trần Quốc Tảng, Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả,
tỉnh Quảng Ninh.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Ths Bác sĩ Nguyễn Văn Phong.

Điện thoại liên hệ: 02033950745.

Email: quanlychatluongbvdkkvcp@gmail.com

Căn cứ Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành (23 đối tượng)

- (1) Bác sĩ Y khoa (đa khoa)
- (2) Bác sĩ Y học cổ truyền
- (3) Bác sĩ Y học dự phòng
- (4) Bác sĩ Răng hàm mặt
- (5) Bác sĩ chuyên khoa nội
- (6) Bác sĩ chuyên khoa ngoại
- (7) Bác sĩ chuyên khoa Gây mê hồi sức
- (8) Bác sĩ chuyên khoa Phục hồi chức năng
- (9) Bác sĩ chuyên khoa Tai mũi họng
- (10) Bác sĩ chuyên khoa Mắt
- (11) Bác sĩ chuyên khoa Nhi

- (12) Bác sĩ chuyên khoa Hồi sức cấp cứu
- (13) Bác sĩ chuyên khoa Sản.
- (14) Bác sĩ chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh
- (15) Bác sĩ chuyên khoa Xét nghiệm
- (16) Y sĩ đa khoa
- (17) Y sĩ Y học cổ truyền
- (18) Điều dưỡng (Đại học; Cao đẳng; Trung cấp)
- (19) Hộ sinh (Đại học; Cao đẳng; Trung cấp)
- (20) Kỹ thuật Xét nghiệm y học (Đại học; Cao đẳng; Trung cấp)
- (21) Kỹ thuật Hình ảnh y học (Đại học; Cao đẳng; Trung cấp)
- (22) Kỹ thuật Phục hồi chức năng (Đại học; Cao đẳng; Trung cấp)
- (23) Cấp cứu ngoại viện

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành (Căn cứ danh sách theo dõi CCHN đến thời điểm hiện tại) (Phụ lục kèm theo).

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác (nếu có): Dược cổ truyền (Hợp đồng với Bệnh viện Y Dược cổ truyền Quảng Ninh tại Hợp đồng số 929/HĐTH-BVĐKKVCP ngày 05/7/2024).

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành:

TT	Đối tượng thực hành	Số lượng có thể tiếp nhận
1	Bác sĩ Y khoa/ Bác sĩ Đa khoa	30
2	Bác sĩ y học cổ truyền	15
3	Bác sĩ y học dự phòng	30
4	Bác sĩ Răng hàm mặt	10
5	Bác sĩ chuyên khoa Nội	10
6	Bác sĩ chuyên khoa Ngoại	15
7	Bác sĩ chuyên khoa Gây mê hồi sức	15
8	Bác sĩ chuyên khoa Phục hồi chức năng	10
9	Bác sĩ chuyên khoa Tai mũi họng	10
10	Bác sĩ chuyên khoa Mắt	10
11	Bác sĩ chuyên khoa Nhi	10

TT	Đối tượng thực hành	Số lượng có thể tiếp nhận
12	Bác sĩ chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	10
13	Bác sĩ chuyên khoa Phụ sản	15
14	Bác sĩ chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	10
15	Bác sĩ chuyên khoa Xét nghiệm	5
16	Y sĩ đa khoa	10
17	Y sĩ Y học cổ truyền	10
18	Điều dưỡng	40
19	Hộ sinh	10
20	Chuyên ngành xét nghiệm y học	20
21	Kỹ thuật hình ảnh y học	20
22	Kỹ thuật phục hồi chức năng	20
23	Cấp cứu ngoại viện	10

5. Chi phí hướng dẫn thực hành: 1.500.000đ/tháng/người thực hành (Một triệu năm trăm nghìn đồng chẵn) cho tất cả các đối tượng Bệnh viện ĐKKV Cẩm Phả tiếp nhận hướng dẫn thực hành.

Bệnh viện Đa khoa khu vực Cẩm Phả cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Tài liệu gửi kèm theo Bản công bố: (1) Danh sách người hướng dẫn thực hành (2) Chương trình thực hành để cấp Giấy phép hành nghề.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế (B/c);
- Lưu: VT, P. KHTH.



Nguyễn Đức Thanh



PHỤ LỤC
DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

(Kèm theo bản công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành số 1029/BCB-ĐKKVCP ngày 25/7/2024 của Bệnh viện ĐKKV Cẩm Phả)

STT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Nơi cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Đối tượng hướng dẫn thực hành
I	Bác sĩ Hồi sức cấp cứu						
1	Phạm Hữu Giang	BSCKI HSCC	0004858/QNI-CCHN	06/05/2016	Sở Y tế Quảng Ninh	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	1. Bác sỹ đa khoa (y khoa) 2. Y sỹ đa khoa 3. Bác sỹ y học dự phòng 4. Bác sỹ y học cổ truyền 5. Y sỹ y học cổ truyền 6. Bác sỹ chuyên khoa 7. Cấp cứu ngoại viện 8. Kỹ thuật viên; Hộ sinh (Đại học; Cao đẳng; Trung cấp)
2	Nguyễn Hữu Thành	BSCKI HSCC	0004393/QNI-CCHN	17/12/2015		Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	
			82/QĐ-SYT-TTHC	21/5/2024		Hồi sức cấp cứu	
II	Bác sĩ Phẫu thuật gây mê						
1	Đỗ Ngọc Lâm	BSCKII GMHS	0001969/QNI-CCHN	09/12/2013	Sở Y tế Quảng Ninh	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa; Chuyên khoa Gây mê Hồi sức;	Bác sỹ chuyên khoa gây mê hồi sức
2	Nguyễn Đức Mạnh	BSCKI GMHS	005573/QNI-CCHN	10/05/2017		Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Gây mê Hồi sức	
4	Hoàng Thị Ngát	BSĐK	0006636/QNI-CCHN	31/05/2018		Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Gây mê Hồi sức (trong phạm vi định hướng chuyên khoa)	
III	Bác sĩ Nội khoa						

STT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Nơi cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Đối tượng hướng dẫn thực hành
1	Nguyễn Văn Đại	BSCKI Nội khoa	000391/QNI-CCHN	28/09/2012	Sở Y tế Quảng Ninh	Khám bệnh, chữa bệnh hệ nội khoa	1. Bác sỹ đa khoa (y khoa) 2. Y sỹ đa khoa 3. Bác sỹ y học dự phòng 4. Bác sỹ chuyên khoa Nội
2	Nguyễn Ngọc Thành	BSCKI Nội khoa	0003167/QNI-CCHN	31/12/2014		Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nội	
3	Đỗ Thị Thu Ngân	BSCKI Da liễu	0001301/QNI-CCHN	09/12/2013		Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa và Da liễu	
4	Trần Văn Toàn	BSCKI Nội khoa	0004395/QNI-CCHN	17/12/2015		Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	
5	Trương Thị Diệp	BSCKI Nội	0001302/QNI-CCHN	09/12/2013		Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	
6	Đào Thị Minh Phượng	BSCKI Nội khoa	0003168/QNI-CCHN	31/12/2014		Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nội	
7	Vũ Đức Minh	Thạc sỹ Y học	0001300/QNI-CCHN	09/12/2013	Sở Y tế Quảng Ninh	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nội	1. Bác sỹ đa khoa (y khoa) 2. Y sỹ đa khoa 3. Bác sỹ y học dự phòng 4. Bác sỹ chuyên khoa
8	Nguyễn Thị Hồng Quyên	BSCKI Nội khoa	0001343/QNI-CCHN	09/12/2013		Khám bệnh chữa bệnh Nội khoa	
9	Đàm Văn Ánh	BSCKI Nội khoa	0003929/QNI-CCHN	15/10/2015		Khám bệnh chữa bệnh Nội khoa	
10	Nguyễn Thị Hà	BSCKI Nội tim mạch	0001370/QNI-CCHN	09/12/2013	Sở Y tế Quảng Ninh	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, đa khoa, chuyên khoa Nội Tim mạch, Siêu âm tim	1. Bác sỹ đa khoa (y khoa) 2. Y sỹ đa khoa 3. Bác sỹ y học dự phòng 4. Bác sỹ chuyên khoa 5. Hộ sinh; Kỹ thuật viên (Đại học; cao đẳng; trung cấp)
11	Vi Văn Quân	BSĐK	0007984/QNI-CCHN	22/06/2021		Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	
12	Nguyễn Văn Phái	BSĐK	0007926/QNI-CCHN	22/05/2021		Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	
13	Triệu Giang Nam	BSĐK; BSCKI Nội thần kinh	0006940/QNI-CCHN	10/5/2019		Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội thần kinh	

STT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Nơi cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Đối tượng hướng dẫn thực hành
14	Nguyễn Văn Đức	BSCKI Nội khoa	0003931/QNI-CCHN	15/10/2015	Sở Y tế Quảng Ninh	Khám bệnh chữa bệnh Nội khoa; Nội soi chẩn đoán bệnh lý thực quản, dạ dày, tá tràng	1. Bác sỹ đa khoa (y khoa) 2. Y sỹ đa khoa 3. Bác sỹ y học dự phòng 4. Bác sỹ chuyên khoa
15	Đinh Thị Thu Hương	BSCKI Truyền nhiễm	0001342/QNI-CCHN	09/12/2013		Khám chữa bệnh chuyên khoa Truyền nhiễm	1. Bác sỹ đa khoa (y khoa) 2. Bác sỹ chuyên khoa 3. Bác sỹ Y học dự phòng 4. Y sỹ đa khoa
16	Trần Thị Mai Duyên	BSĐK	0007928/QNI-CCHN	22/5/2021		Khám chữa bệnh nội khoa	
IV	Bác sĩ Ngoại khoa						
1	Phạm Công Đoàn	BSCKII Ngoại khoa	0001316/QNI-CCHN	09/12/2013	Sở Y tế Quảng Ninh	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	1. Bác sỹ đa khoa (y khoa) 2. Y sỹ đa khoa 3. Bác sỹ y học dự phòng 4. Bác sỹ chuyên khoa Ngoại
2	Lý Văn Bằng	BSCKI Ngoại khoa	0006516/QNI-CCHN	26/3/2018		Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Ngoại	
			63/QĐ-SYT-TTHC	25/4/2024			
3	Bùi Trung Hiếu	BSCKI Ngoại khoa	0003925/QNI-CCHN	15/10/2015		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	
4	Ngô Quang Chính	BSCKI Ngoại khoa	0006634/QNI-CCHN	15/06/2023	Sở Y tế Quảng Ninh	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại (cấp lại lần 1)	1. Bác sỹ đa khoa (y khoa) 2. Y sỹ đa khoa 3. Bác sỹ y học dự phòng 4. Bác sỹ chuyên khoa Ngoại
5	Phan Văn Đức	BSCKI Ngoại khoa	0003925/QNI-CCHN	15/10/2015		Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Ngoại	
			89/QĐ-SYT-TTHC	05/5/2021			
6	Đỗ Văn Điệp	BSĐK	0007800/QNI-CCHN	18/03/2021		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	
V	Bác sĩ Sản Khoa						

STT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Nơi cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Đối tượng hướng dẫn thực hành
1	Từ Thị Đào	BSCKI Sản phụ khoa	0001337/QNI-CCHN	09/12/2013	Sở Y tế Quảng Ninh	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa	1. Bác sỹ đa khoa (y khoa) 2. Y sỹ đa khoa 3. Bác sỹ chuyên khoa Phụ sản 4. Hộ sinh
2	Phạm Ngọc Thanh	BSCKI Sản phụ khoa	0005828/QNI-CCHN	10/01/2017		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa	
3	Hà Văn Trung	BSCKI Sản phụ khoa	0005728/QNI-CCHN	13/09/2017		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa (trong phạm vi đào tạo bác sỹ định hướng chuyên khoa)	
4	Trần Văn Trung	BSCKI Sản phụ khoa	0007212/QNI-CCHN	05/12/2019		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa	
5	Trương Thúy Hòa	BSCKI Sản phụ khoa	0003178/QNI-CCHN	31/12/2014		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản	
VI	Bác sĩ Nhi khoa						
1	Nguyễn Thị Lựu	BSCKI Nhi	0001385/QNI-CCHN	09/12/2013	Sở Y tế Quảng Ninh	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, chuyên khoa Nội Nhi	1. Bác sỹ đa khoa (y khoa) 2. Y sỹ đa khoa 3. Bác sỹ y học dự phòng 4. Bác sỹ chuyên khoa Nhi
2	Trương Ngọc Sanh	BSCKI Nhi	003207/QNI-CCHN	22/12/2016		Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, chuyên khoa Nội Nhi	
3	Hoàng Hồng Quang	BSCKI Nhi	0004394/QNI-CCHN	17/12/2015		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	
4	Lò Thị Nhung	BSĐK	0006685/QNI-CCHN	02/07/2018		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	
VII	Bác sĩ chuyên khoa Mắt						

STT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Nơi cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Đối tượng hướng dẫn thực hành
1	Phạm Thanh Tùng	BSCKI Nhãn khoa	0005574/QNI-CCHN	15/06/2023	Sở Y tế Quảng Ninh	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa mắt (cấp lại lần 1)	1. Bác sỹ đa khoa (y khoa) 2. Bác sỹ Chuyên khoa mắt 3. Y sỹ đa khoa
2	Lê Ngọc Sơn	BSCKI Nhãn khoa	0007510/QNI-CCHN	30/6/2020		Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa mắt (trong phạm vi đào tạo định hướng chuyên khoa)	
			83/QĐ-SYT-TTHC	26/4/2021			
VIII	Bác sĩ Tai Mũi họng						
1	Vũ Hồng Quân	BSCKI Tai Mũi Họng	0001354/QNI-CCHN	09/12/2013	Sở Y tế Quảng Ninh	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Tai Mũi Họng	1. Bác sỹ đa khoa (y khoa) 2. Bác sỹ Chuyên khoa Tai mũi họng 3. Y sỹ đa khoa
2	Lý Văn Ngọt	BSCKI Tai Mũi Họng	0003188/QNI-CCHN	31/12/2014		Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Tai Mũi Họng	
3	Nguyễn Đình Hùng	BSCKI Tai Mũi Họng	0005839/QNI-CCHN	19/12/2017		Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Tai Mũi Họng	
4	Hà Thị Duyệt	BSĐK	0007021/QNI-CCHN	17/07/2019		Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa TMH (trong phạm vi định hướng chuyên khoa)	
IX	Bác sĩ Răng Hàm Mặt						
1	Vũ Mạnh Cường	BSCKI Răng Hàm Mặt	000180/QNI-CCHN	11/06/2012	Sở Y tế Quảng Ninh	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	1. Bác sỹ đa khoa (y khoa) 2. Bác sỹ Chuyên khoa Răng hàm mặt 3. Y sỹ đa khoa
2	Nguyễn Thị Hằng	BSCKI Răng Hàm Mặt	0005971/QNI-CCHN	02/02/2018		Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	

STT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Nơi cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Đối tượng hướng dẫn thực hành
X	Bác sĩ Y học cổ truyền						
1	Ty Thị Hoàn	BSĐK; Thạc sĩ Y học cổ truyền	0001396/QNI-CCHN	09/12/2013	Sở Y tế Quảng Ninh	Khám chữa bệnh chuyên khoa y học cổ truyền	1. Bác sĩ đa khoa (y khoa) 2. Bác sĩ Y học cổ truyền 3. Bác sĩ Y học dự phòng 4. Bác sĩ CK PHCN 5. Y sĩ đa khoa 6. Y sĩ YHCT 7. Kỹ thuật viên PHCN
			154/QĐ-SYT-TTHC	29/5/2023		Chuyên khoa phục hồi chức năng	
2	Nguyễn Thị Kiều Trang	BSĐK; BSCKI PHCN	000179/QNI-CCHN	11/6/2012	Sở Y tế Quảng Ninh	Khám chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt	1. Bác sĩ đa khoa (y khoa) 2. Bác sĩ chuyên khoa Phục hồi chức năng 3. Y sĩ đa khoa 4. Kỹ thuật viên PHCN
			1155/QĐ-SYT	11/6/2019		Chuyên khoa PHCN	
3	Phạm Văn Giang	BSĐK	0005925/QNI-CCHN	12/01/2018	Sở Y tế Quảng Ninh	Khám bệnh chữa bệnh đa khoa, chứng chỉ định hướng chuyên khoa Phục hồi chức năng	1. Bác sĩ đa khoa (y khoa) 2. Bác sĩ Y học dự phòng 3. Bác sĩ chuyên khoa Phục hồi chức năng 4. Y sĩ đa khoa 5. Kỹ thuật viên PHCN
4	Nghiêm Văn Cầu	Bác sĩ Y học cổ truyền	0005840/QNI-CCHN	19/12/2017		Khám chữa bệnh bằng YHCT	1. Bác sĩ y học cổ truyền 2. Y sĩ y học cổ truyền
			200/QĐ-SYT-TTHC	19/10/2020		Chuyên khoa CĐHA (theo định hướng chuyên khoa)	
5	Lưu Phúc Đức	BSCKI Y học cổ truyền	005575/QNI-CCHN	10/05/2017	Sở Y tế Quảng Ninh	Khám chữa bệnh bằng YHCT	1. Bác sĩ y học cổ truyền 2. Bác sĩ chuyên khoa Phục hồi chức năng 3. Y sĩ y học cổ truyền 4. Kỹ thuật viên PHCN
			104/QĐ-SYT-TTHC	22/5/2021		Chuyên khoa PHCN	
6	Trương Quang Đông		0003922/QNI-CCHN	15/10/2015		Khám chữa bệnh bằng YHCT	
			103/QĐ-SYT-TTHC	22/5/2021		Chuyên khoa PHCN	
			2440/QĐ-SYT	30/9/2016		Chuyên khoa PHCN	

STT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Nơi cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Đối tượng hướng dẫn thực hành
7	Trần Thị Yến	BSCKI Y học cổ truyền	0003924/QNI-CCHN	15/10/2015	Sở Y tế Quảng Ninh	Khám chữa bệnh bằng YCHT	1. Bác sỹ y học cổ truyền 2. Bác sỹ chuyên khoa Phục hồi chức năng 3. Y sỹ y học cổ truyền 4. Kỹ thuật viên PHCN
			2440/QĐ-SYT	30/9/2016		Chuyên khoa PHCN	
8	Phạm Thúy Liên		0003923/QNI-CCHN	15/10/2015		Khám chữa bệnh bằng YCHT	
			152/ QĐ-SYT-TTHC	29/5/2023		Chuyên khoa PHCN	
XI	Bác sĩ Chẩn đoán hình ảnh						
1	Nguyễn Thế Tài	BSCKII CDHA	0001412/QNI-CCHN	09/12/2013	Sở Y tế Quảng Ninh	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	1. Bác sỹ chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh. 2. Đại học Kỹ thuật viên hình ảnh y học 3. Cao đẳng Kỹ thuật viên hình ảnh y học 4. Trung cấp Kỹ thuật viên hình ảnh y học
2	Vũ Thị Lan Hương	BSCKI CDHA	0003143/QNI-CCHN	31/12/2014		Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	
3	Nguyễn Đức Điển	BSCKI CDHA	0003921/QNI-CCHN	15/10/2015		Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	
XII	Bác sỹ Xét Nghiệm						
1	Bùi Thị Kim Bích	BSCKI Y tế công cộng	0003086/QNI-CCHN	27/4/2015	Sở Y tế Quảng Ninh	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, không làm thủ thuật chuyên khoa; Chuyên khoa Xét nghiệm (trong phạm vi đào tạo định hướng chuyên khoa)	1. Bác sỹ chuyên khoa Xét nghiệm 2. Đại học Kỹ thuật viên Xét nghiệm 3. Cao đẳng Kỹ thuật viên Xét nghiệm 4. Trung cấp Kỹ thuật viên Xét nghiệm
XIII	Bác sĩ Y khoa (Bác sĩ Đa khoa)						
1	Leo Văn Sáng	BSĐK	0006507/QNI-CCHN	14/03/2018	Sở Y tế Quảng Ninh	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	1. Bác sỹ đa khoa (y khoa) 2. Y sỹ đa khoa
2	Phùng Nguyệt Lâm	BSĐK	0007791/QNI-CCHN	18/03/2021		Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	
3	Phạm Thị Luyến	BSĐK	0007755/QNI-CCHN	25/01/2021		Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	

STT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Nơi cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Đối tượng hướng dẫn thực hành
4	Lê Hồng Vân	BSĐK	0006555/QNI-CCHN	05/04/2018	Sở Y tế Quảng Ninh	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	1. Bác sỹ đa khoa (y khoa) 2. Y sỹ đa khoa
5	Nguyễn Hoàng Nam	BSĐK	0007019/QNI-CCHN	17/07/2019		Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	
6	Hoàng Tiến Dũng	BSĐK	0006938/QNI-CCHN	10/05/2019		Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	
7	Lê Đình Đại	BSĐK	0007530/QNI-CCHN	17/07/2020		Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	
8	Trương Trung Đức	BSĐK	0007918/QNI-CCHN	22/05/2021		Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	
9	Nguyễn Thành Tâm	BSĐK	0007840/QNI-CCHN	06/04/2021		Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	
10	Mùng Duy Tân	BSĐK	0007544/QNI-CCHN	31/07/2020		Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	
11	Điệp Thanh Sơn	BSĐK	0007793/QNI-CCHN	26/02/2021		Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	
12	Vũ Thị Mùi	Thạc sỹ Da liễu	0006728/QNI-CCHN	16/8/2018		Khám bệnh chữa bệnh đa khoa	
			74/QĐ-SYT-TTHC	20/5/2024		Chuyên khoa da liễu	
XIV	Điều dưỡng						
1	Nguyễn Quang Duy	Điều dưỡng Đại học	0002417/QNI-CCHN	09/12/2013	Sở Y tế Quảng Ninh	Thực hiện nhiệm vụ của ngạch Điều dưỡng Đại học Theo quyết định 41/2005/ QĐ-BNV ngày 22/4/2005	1. Điều dưỡng đại học 2. Điều dưỡng cao đẳng 3. Điều dưỡng trung cấp
2	Vũ Thị Lan Hương	CNDD	0001438/QNI-CCHN	09/12/2013		Theo quyết định 41/2005/ QĐ-BNV ngày 22/4/2005	

STT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Nơi cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Đối tượng hướng dẫn thực hành
3	Đỗ Thị Linh	CNDD	004200/QNI-CCHN	04/10/2016	Sở Y tế Quảng Ninh	Thực hiện nhiệm vụ của Điều dưỡng theo chức danh quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015	1. Điều dưỡng đại học 2. Điều dưỡng cao đẳng 3. Điều dưỡng trung cấp
4	Nguyễn Thị Phương Linh	CNDD	0001404/QNI-CCHN	09/12/2013		Theo quyết định 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	
5	Nguyễn Quốc Thành	ĐDCĐ	006194/QNI-CCHN	10/04/2018	Sở Y tế Quảng Ninh	Thực hiện nhiệm vụ của Điều dưỡng theo chức danh quy định tại Thông tư liên tịch 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 của Bộ Y tế- Bộ Nội vụ	1. Điều dưỡng cao đẳng 2. Điều dưỡng trung cấp
6	Phạm Thị Hồng Hạnh	ĐDCĐ	006050/QNI-CCHN	09/10/2017			
7	Lương Thị Xuân	ĐDCĐ	0007769/QNI-CCHN	25/01/2021			
8	Lê Thị Diễm Hằng	ĐDCĐ	005136/QNI-CCHN	26/07/2016			
9	Lê Xuân Trường	ĐDCĐ	0003155/QNI-CCHN	31/12/2014	Sở Y tế Quảng Ninh	Thực hiện nhiệm vụ của ngạch Điều dưỡng Cao đẳng theo QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	1. Điều dưỡng cao đẳng 2. Điều dưỡng trung cấp
10	Nguyễn Thị Anh	ĐDCĐ	06004/QNI-CCHN	25/08/2017		Thực hiện nhiệm vụ của Điều dưỡng theo chức danh quy định tại Thông tư liên tịch 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 của Bộ Y tế- Bộ Nội vụ	

STT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Nơi cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Đối tượng hướng dẫn thực hành
11	Nguyễn Văn Hạnh	ĐDCĐ	0003917/QNI-CCHN	15/10/2015	Sở Y tế Quảng Ninh	Thực hiện nhiệm vụ của ngạch Điều dưỡng Cao đẳng theo QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	 1. Điều dưỡng cao đẳng 2. Điều dưỡng trung cấp
12	Trần Thị Thùy Dung	ĐDCĐ	006326/QNI-CCHN	20/08/2018		Thực hiện nhiệm vụ của Điều dưỡng theo chức danh quy định tại Thông tư liên tịch 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 của Bộ Y tế- Bộ Nội vụ	
13	Lê Thị Thu Thương	ĐDCĐ	0001349/QNI-CCHN	09/12/2013		Theo quyết định 41/2005/ QĐ-BNV ngày 22/4/2005	
14	Nguyễn Thị Thùy Linh	ĐDCĐ	0003182/QNI-CCHN	31/12/2014		Thực hiện nhiệm vụ của ngạch Điều dưỡng Cao đẳng theo QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	
15	Nguyễn Thái Bảo	ĐDCĐ	006244/QNI-CCHN	28/06/2018	Sở Y tế Quảng Ninh	Thực hiện nhiệm vụ của Điều dưỡng hạng IV theo quy định tại Thông tư liên tịch 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 của Bộ Y tế- Bộ Nội vụ	1. Điều dưỡng cao đẳng 2. Điều dưỡng trung cấp

STT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Nơi cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Đối tượng hướng dẫn thực hành
16	Đới Thúy Phương	ĐDCĐ	0001352/QNI-CCHN	09/12/2013	Sở Y tế Quảng Ninh	Theo quyết định 41/2005/ QĐ-BNV ngày 22/4/2005	1. Điều dưỡng cao đẳng 2. Điều dưỡng trung cấp
17	Nguyễn Thị Mai Duyên	ĐDCĐ	005479/QNI-CCHN	16/02/2017		Thực hiện nhiệm vụ của Điều dưỡng theo chức danh quy định tại Thông tư liên tịch 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 của Bộ Y tế- Bộ Nội vụ	
18	Bùi Thị Oanh	ĐDCĐ	0001383/QNI-CCHN	09/12/2013		Theo quyết định 41/2005/ QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	
19	Trần Thị Thúy Huyền	ĐDCĐ	0001418/QNI-CCHN	09/12/2013		Theo quyết định 41/2005/ QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	
20	Nguyễn Thị Thu Hường	ĐDCĐ	006198/QNI-CCHN	10/04/2018	Sở Y tế Quảng Ninh	Thực hiện nhiệm vụ của Điều dưỡng hạng IV theo quy định tại Thông tư liên tịch 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 của Bộ Y tế- Bộ Nội vụ	1. Điều dưỡng cao đẳng 2. Điều dưỡng trung cấp
21	Nguyễn Thị Mai	ĐDCĐ	0001381/QNI-CCHN	09/12/2013	Sở Y tế Quảng Ninh	Theo quyết định 41/2005/ QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	

STT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Nơi cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Đối tượng hướng dẫn thực hành
22	Lưu Thị Hạnh Hoa	ĐDCĐ	0003181/QNI-CCHN	31/12/2014	Sở Y tế Quảng Ninh	Thực hiện nhiệm vụ của ngạch Điều dưỡng Cao đẳng theo QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	1. Điều dưỡng cao đẳng 2. Điều dưỡng trung cấp
23	Trần Thị Hường	ĐDCĐ	0007627/QNI-CCHN	19/10/2020			
24	Ty Minh Hiếu	ĐDCĐ	0007020/QNI-CCHN	17/07/2019			
25	Nguyễn Thanh Loan	ĐDCĐ	005171/QNI-CCHN	19/08/2016			
26	Trịnh Xuân Viên	ĐDCĐ	0001413/QNI-CCHN	09/12/2013	Sở Y tế Quảng Ninh	Theo quyết định 41/2005/ QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ (phụ giúp nội soi)	1. Điều dưỡng cao đẳng 2. Điều dưỡng trung cấp
27	Vũ Thị Hải Yến	ĐDCĐ	0003166/QNI-CCHN	31/12/2014		Thực hiện nhiệm vụ của ngạch Điều dưỡng Cao đẳng theo QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	
28	Vũ Thị Thanh Hà	ĐDCĐ	006211/QNI-CCHN	02/05/2018		Thực hiện nhiệm vụ của Điều dưỡng hạng IV theo quy định tại Thông tư liên tịch 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 của Bộ Y tế- Bộ Nội vụ	

STT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Nơi cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Đối tượng hướng dẫn thực hành
29	Đoàn Thị Lan Anh	ĐDCĐ	005477/QNI-CCHN	16/02/2017	Sở Y tế Quảng Ninh	Thực hiện nhiệm vụ của Điều dưỡng hạng IV theo quy định tại Thông tư liên tịch 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 của Bộ Y tế- Bộ Nội vụ	1. Điều dưỡng cao đẳng 2. Điều dưỡng trung cấp
30	Lê Thị Liên	ĐDCĐ	0001361/QNI-CCHN	09/12/2013		Theo quyết định 41/2005/ QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	
31	Lê Thị Chinh	ĐDCĐ	0001434/QNI-CCHN	09/12/2013			
32	Dương Quỳnh Như	ĐDCĐ	0001390/QNI-CCHN	09/12/2013			
33	Trần Thị Thúy	ĐDCĐ	0001376/QNI-CCHN	09/12/2013			
34	Vũ Thị Thùy Dung	ĐDCĐ	006473/QNI-CCHN	27/08/2019	Sở Y tế Quảng Ninh	Thực hiện nhiệm vụ của Điều dưỡng hạng IV theo quy định tại Thông tư liên tịch 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 của Bộ Y tế- Bộ Nội vụ	1. Điều dưỡng cao đẳng 2. Điều dưỡng trung cấp
35	Nguyễn Hồng Nhung	ĐDCĐ	0007276/QNI-CCHN	17/01/2020			
36	Nguyễn Thị Hậu	ĐDCĐ	005131/QNI-CCHN	27/06/2016			
37	Khổng Thị Hương	ĐDCĐ	005476/QNI-CCHN	16/02/2017			
38	Tô Minh Tâm	ĐDCĐ	005049/QNI-CCHN	18/07/2016			
39	Trần Thị Diệu Thúy	ĐDCĐ	005048/QNI-CCHN	18/07/2016			
40	Khổng Thị Thu Phương	ĐDCĐ	005480/QNI-CCHN	16/02/2017			
41	Nguyễn Thị Nga	ĐDCĐ	005325/QNI-CCHN	18/07/2017			
42	Tô Thị Thảo	ĐDCĐ	006123/QNI-CCHN	04/01/2018			
43	Nguyễn Thị Hà Trang	ĐDCĐ	006124/QNI-CCHN	04/01/2018			
44	Ngô Hồng Hạnh	ĐDCĐ	0007573/QNI-CCHN	10/08/2020			
45	Trịnh Thị Minh Hiếu	ĐDCĐ	0007269/QNI-CCHN	17/01/2020			
46	Nguyễn Thị Huyền	ĐDCĐ	004198/QNI-CCHN	04/10/2016			
47	Đỗ Ngọc Lan Hương	ĐDCĐ	006045/QNI-CCHN	09/10/2017			
48	Trương Hải Yến	ĐDCĐ	006152/QNI-CCHN	06/02/2018			
49	Thái Thị Thu Hiền	ĐDCĐ	06005/QNI-CCHN	25/08/2017			
50	Vũ Trọng Toàn	ĐDCĐ	006426/QNI-CCHN	18/02/2019			
51	Hoàng Thị Hoa	ĐDCĐ	006283/QNI-CCHN	25/07/2018			
52	Phạm Thị Nga	ĐDCĐ	006066/QNI-CCHN	31/10/2017			

STT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Nơi cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Đối tượng hướng dẫn thực hành
53	Vũ Thị Mai Lan	ĐDCĐ	0001364/QNI-CCHN	09/12/2013	Sở Y tế Quảng Ninh	Theo quyết định 41/2005/ QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	1. Điều dưỡng cao đẳng 2. Điều dưỡng trung cấp
54	Nguyễn Thị Vân	ĐDCĐ	0003186/QNI-CCHN	31/12/2014		Thực hiện nhiệm vụ của ngạch Điều dưỡng Cao đẳng theo QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	
55	Phạm Thị Nhung	ĐDCĐ	0001420/QNI-CCHN	09/12/2013		Theo quyết định 41/2005/ QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	
56	Trần Thị Thanh Nhã	ĐDCĐ	0001421/QNI-CCHN	09/12/2013		Theo quyết định 41/2005/ QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	
XV	Hộ sinh						
1	Trần Thị Minh Cẩm	Đại học Điều dưỡng Sản phụ khoa	0001333/QNI-CCHN	09/12/2013	Sở Y tế Quảng Ninh	Theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/03/2011 của Bộ Y tế	1. Hộ sinh Đại học 2. Hộ sinh Cao đẳng 3. Hộ sinh Trung cấp
2	Trần Thị Mùi	Cao đẳng Điều dưỡng Phụ sản	0003179/QNI-CCHN	31/12/2014		Theo Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/03/2011 của Bộ Y tế	1. Hộ sinh Cao đẳng 2. Hộ sinh Trung cấp
XVI	Kỹ thuật y – Xét nghiệm Y học						

STT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Chứng chỉ hành nghề	Ngày cấp	Nơi cấp	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Đối tượng hướng dẫn thực hành
1	Nguyễn Mai Linh	Cử nhân Xét nghiệm y học	0006684/QNI-CCHN	02/07/2018	Sở Y tế Quảng Ninh	Chuyên khoa xét nghiệm	1. Đại học kỹ thuật viên xét nghiệm 2. Cao đẳng kỹ thuật viên xét nghiệm
2	Vũ Thị Quyên		007119/BG-CCHN	23/01/2019		Chuyên khoa xét nghiệm	
3	Nguyễn Thị Thu Phương		004176/QNI-CCHN	04/10/2016		Kỹ thuật viên xét nghiệm	
4	Dương Đức Tùng		0006738/QNI-CCHN	22/08/2018		Kỹ thuật viên xét nghiệm	
5	Lê Thị Hải Hà		0007733/QNI-CCHN	06/01/2021		Kỹ thuật viên xét nghiệm	
XVII	Kỹ thuật y – Hình ảnh Y học						
1	Trương Mạnh Tuấn	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	005054/QNI-CCHN	18/07/2016	Sở Y tế Quảng Ninh	Kỹ thuật viên Chẩn đoán hình ảnh	1. Đại học kỹ thuật viên Chẩn đoán hình ảnh 2. Cao đẳng kỹ thuật viên Chẩn đoán hình ảnh 3. Trung cấp kỹ thuật viên Chẩn đoán hình ảnh
2	Bùi Xuân Bách		005053/QNI-CCHN	18/07/2016			
3	Đỗ Trí Hiếu	Cao đẳng kỹ thuật hình ảnh y học	005320/QNI-CCHN	07/06/2017		Kỹ thuật viên Chẩn đoán hình ảnh	
XIIX	Kỹ thuật y – Phục hồi chức năng						
1	Nguyễn Thị Thu Hằng	Kỹ thuật viên phục hồi chức năng	0001403/QNI-CCHN	09/12/2013	Sở Y tế Quảng Ninh	Kỹ thuật viên phục hồi chức năng	1. Cao đẳng kỹ thuật phục hồi chức năng 3. Trung cấp kỹ thuật phục hồi chức năng